

Phụ lục 02
Đánh giá thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026 của 135 xã, phường trên địa bàn tỉnh

STT	Đơn vị	Số chỉ tiêu giao	chưa đánh giá	đạt	không đạt	Chỉ tiêu chưa đạt
1	Xã Tây Sơn	17	3	13	1	BHXX tự nguyện
2	Xã Kim Sơn	15	3	11	1	BHXX tự nguyện
3	Xã Đak Đoa	17	3	13	1	BHXX tự nguyện
4	Xã Ia Khrol	17	3	13	1	BHXX tự nguyện,
5	Xã Chư Krey	15	3	11	1	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm,
6	Xã Ia Pa	16	3	12	1	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm,
7	Phường Quy Nhơn	15	2	11	2	KN xuất khẩu, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
8	Xã An Nhơn Tây	16	2	12	2	Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Đào tạo nghề
9	Xã Tuy Phước	17	3	12	2	Thu hút dự án mới, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
10	Xã Tuy Phước Đông	16	3	11	2	BHXX tự nguyện, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
11	Xã Hòa Hội	18	3	13	2	BHXX tự nguyện, Thu hút dự án mới,
12	Xã Hội Sơn	16	3	11	2	Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
13	Xã Canh Vinh	17	3	12	2	BHXX tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
14	Xã Ia Rbol	16	3	11	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện,
15	Xã Tơ Tung	16	3	11	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
16	Xã Đak Rong	15	3	10	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện,
17	Xã Ia Chía	15	3	10	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện,
18	Xã Đăk Song	15	3	10	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Đào tạo nghề,
19	Xã Chơ Long	15	3	10	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách,
20	Xã Ia Krêl	16	3	11	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu hút dự án mới,
21	Xã Ia Nan	15	3	10	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
22	Xã Ia Boong	15	3	10	2	BHXX tự nguyện, Đào tạo nghề,
23	Xã Ia Pia	16	3	11	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện,
24	Xã Phú Túc	16	3	11	2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện,
25	Phường Quy Nhơn Bắc	15	2	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tỷ lệ giải ngân
26	Xã Nhơn Châu	15	2	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
27	Phường An Nhơn Đông	14	1	10	3	Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
28	Phường Hoài Nhơn Đông	16	2	11	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, KN xuất khẩu
29	Phường Hoài Nhơn Tây	16	2	11	3	Thu hút dự án mới, KN xuất khẩu, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
30	Xã Tuy Phước Bắc	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Tỷ lệ chất thải rắn đô thị, BHXX tự nguyện
31	Xã Hoài Ân	17	3	11	3	BHXX tự nguyện, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
32	Xã Ân Tường	15	3	9	3	BHXX tự nguyện, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
33	Xã Vĩnh Thanh	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXX tự nguyện,
34	Xã Vân Canh	17	3	11	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
35	Xã Canh Liên	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
36	Phường Pleiku	18	3	12	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, KN xuất khẩu
37	Phường Hội Phú	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, Thu hút dự án mới,
38	Phường Diên Hồng	18	3	12	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, Thu hút dự án mới,
39	Phường An Khê	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
40	Xã Kông Bơ La	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
41	Xã Krong	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, BHXX tự nguyện
42	Xã Ia Băng	16	3	10	3	BHXX tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới,
43	Xã KDang	16	3	10	3	BHXX tự nguyện, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân
44	Xã Ia Ly	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXX tự nguyện, tỷ lệ giải ngân

STT	Đơn vị	Số chỉ tiêu giao	chưa đánh giá	đạt	không đạt	Chỉ tiêu chưa đạt
45	Xã Chư Păh	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện,
46	Xã Ia Phí	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề,
47	Xã Ia Krái	17	3	11	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề,
48	Xã Ia O	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề,
49	Xã Mang Yang	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
50	Xã Lơ Pang	16	3	10	3	BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, GPMB
51	Xã Ayun	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
52	Xã Kông Chro	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
53	Xã Ya Ma	17	3	11	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân
54	Xã SRó	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
55	Xã Đức Cơ	16	3	10	3	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Thu hút dự án mới,
56	Xã Ia Dok	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
57	Xã Bàu Cạn	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
58	Xã Ia Lâu	16	3	10	3	BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
59	Xã Bờ Ngoong	16	3	10	3	BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
60	Xã Ia Ko	16	3	10	3	BHXH tự nguyện, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
61	Xã Al Bá	15	3	9	3	BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
62	Xã Ia Tul	15	3	9	3	BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
63	Xã Ia Dreh	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
64	Xã Ia Rsai	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện,
65	Xã Phú Thiện	16	3	10	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
66	Xã Ia Hiao	15	3	9	3	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
67	Phường Quy Nhơn Tây	16	2	10	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu hút dự án, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
68	Phường Quy Nhơn Nam	15	2	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu hút dự án, KN xuất khẩu, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
69	Phường An Nhơn	16	2	10	4	Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
70	Phường An Nhơn Nam	16	2	10	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
71	Phường An Nhơn Bắc	16	2	10	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Thu hút dự án mới, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
72	Xã Phù Cát	17	3	10	4	BHXH tự nguyện, Thu hút dự án, KN xuất khẩu, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
73	Xã Xuân An	17	3	10	4	Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới,
74	Xã Ngô Mây	16	3	9	4	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
75	Xã Cát Tiến	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới,
76	Xã Đề Gi	17	3	10	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới,
77	Xã Phù Mỹ Bắc	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới,
78	Xã Vạn Đức	15	3	8	4	BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
79	Xã Ân Hảo	16	3	9	4	BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
80	Xã Vĩnh Thịnh	16	3	9	4	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới
81	Xã Vĩnh Quang	17	3	10	4	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
82	Xã Vĩnh Sơn	15	3	8	4	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
83	Xã An Toàn	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
84	Phường Thống Nhất	15	2	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới,
85	Phường An Bình	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu hút dự án mới, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom
86	Xã Kbang	17	3	10	4	BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
87	Xã Sơn Lang	15	3	8	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
88	Xã Kon Gang	15	3	8	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
89	Xã Đak Somei	15	3	8	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
90	Xã Ia Hrug	17	3	10	4	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới,
91	Xã Hra	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân

STT	Đơn vị	Số chỉ tiêu giao	chưa đánh giá	đạt	không đạt	Chỉ tiêu chưa đạt
92	Xã Ia Pnôn	15	3	8	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
93	Xã Ia Dom	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, tỷ lệ giải ngân, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
94	Xã Chư Prông	17	3	10	4	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
95	Xã Ia Tôr	17	3	10	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân,
96	Xã Ia Mơ	15	3	8	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom
97	Xã Chư Sê	17	3	10	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân
98	Xã Đak Pơ	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
99	Xã Pờ Tó	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
100	Xã Uar	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
101	Xã Chư A Thai	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
102	Xã Chư Puh	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, GPMB
103	Xã Ia Le	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
104	Xã Ia Hnú	16	3	9	4	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
105	Phường Hoài Nhon	16	2	10	4	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, KN xuất khẩu
106	Phường Quy Nhơn Đông	15	2	8	5	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch, thu hút dự án, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
107	Phường Bồng Sơn	16	2	9	5	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, KN xuất khẩu, GPMB
108	Phường Tam Quan	16	2	9	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
109	Xã Tuy Phước Tây	17	3	9	5	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
110	Xã Bình Phú	16	3	8	5	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
111	Xã Bình Hiệp	16	3	8	5	tỷ lệ giải ngân, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, Thu hút dự án mới,
112	Xã An Lương	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới,
113	Xã Bình Dương	17	3	9	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân
114	Xã Phù Mỹ Đông	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
115	Xã Phù Mỹ Tây	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
116	Xã An Hòa	17	3	9	5	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
117	Xã An Vinh	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
118	Phường An Phú	15	2	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
119	Xã Gào	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
120	Xã Cửu An	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
121	Xã Ia Sao	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
122	Xã Ia Grai	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
123	Xã Kon Chiêng	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, tỷ lệ giải ngân, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
124	Xã Ia Púch	16	3	8	5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
125	Phường Bình Định	16	2	8	6	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch, Đào tạo nghề, KN xuất khẩu, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
126	Phường Hoài Nhon Nam	16	2	8	6	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch, Tỷ lệ chất thải rắn đô thị, tỷ lệ giải ngân, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, KN xuất khẩu
127	Phường Hoài Nhon Bắc	16	2	8	6	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, KN xuất khẩu
128	Xã Bình Khê	17	3	8	6	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, tỷ lệ giải ngân, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề
129	Xã Bình An	17	3	8	6	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, Tỷ lệ dân số tham gia BHYT, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân
130	Xã Phù Mỹ	17	3	8	6	BHXH tự nguyện, Thu ngân sách, Đào tạo nghề, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, KN xuất khẩu
131	Xã An Lão	15	3	6	6	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
132	Xã Biển Hồ	18	3	9	6	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
133	Phường Ayun Pa	15	2	7	6	Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Đào tạo nghề, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
134	Xã Ya Hội	16	3	7	6	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
135	Xã Phù Mỹ Nam	17	3	8	6	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm, Thu ngân sách, BHXH tự nguyện, Thu hút dự án mới, tỷ lệ giải ngân, Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

Ghi chú: Các chỉ tiêu chưa đánh giá: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân; Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; Tỷ lệ che phủ rừng